

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 07 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TCI	06/04/2026	9.86	600.300	121.507	4.94
2	BMI	06/04/2026	16.5	1.531.300	429.557	3.56
3	NRC	06/04/2026	5.8	2.131.700	860.213	2.48
4	LPB	06/04/2026	46.1	4.021.800	1.838.960	2.19
5	HHS	06/04/2026	12.45	5.628.200	2.908.557	1.94
6	CTI	06/04/2026	22.8	1.254.800	718.517	1.75
7	HNM	06/04/2026	8.5	821.700	497.653	1.65
8	APG	06/04/2026	5.25	1.654.900	1.125.340	1.47
9	NVL	06/04/2026	14.55	23.143.000	16.278.480	1.42
10	CRC	06/04/2026	9.84	3.913.400	2.873.023	1.36
11	TTA	06/04/2026	11.35	1.061.500	798.543	1.33
12	TCH	06/04/2026	15.8	12.990.500	10.156.003	1.28
13	GEG	06/04/2026	15.05	3.032.700	2.362.250	1.28
14	HCM	06/04/2026	24	16.203.000	13.390.203	1.21
15	TCO	06/04/2026	12.55	531.200	464.433	1.14
16	TIG	06/04/2026	6.7	999.800	879.970	1.14
17	VPL	06/04/2026	82.6	840.100	746.287	1.13
18	DXP	06/04/2026	13.4	793.900	709.883	1.12
19	HDG	06/04/2026	27.6	3.732.800	3.369.047	1.11
20	VTP	06/04/2026	94.2	598.900	560.013	01.07
21	MST	06/04/2026	8.6	3.785.200	3.542.100	01.07
22	HUT	06/04/2026	15.9	2.941.400	2.776.737	1.6
23	VIX	06/04/2026	15.85	37.052.200	36.365.568	1.2



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	DGW	06/04/2026	43.7	1.568.820	44.29	43.69	0.01
2	DPR	06/04/2026	39.8	514.910	46.69	38.95	2.19
3	EVF	06/04/2026	13.25	11.110.390	46.37	12.68	4.51
4	GAS	06/04/2026	78.5	1.781.920	36.31	74.56	5.28
5	GVR	06/04/2026	31.45	3.391.970	43.37	30.67	2.54
6	HCM	06/04/2026	24	14.987.120	61.4	23.99	0.03
7	HDB	06/04/2026	25.6	13.527.560	48.17	24.26	5.54
8	HPG	06/04/2026	26.85	29.350.370	50.26	26.85	0.02
9	MBB	06/04/2026	25.65	15.056.680	43.27	24.94	2.85
10	MZG	06/04/2026	13	608.930	57.93	12.15	6.97
11	PAN	06/04/2026	31.4	908.010	52.68	30.43	3.17
12	PVT	06/04/2026	20.75	8.941.860	39.18	19.41	6.91
13	QTP	06/04/2026	12.8	1.420.790	44.09	12.29	4.17
14	REE	06/04/2026	64.4	2.141.530	46.93	64.01	0.6
15	TTA	06/04/2026	11.35	1.434.920	46.13	11.13	1.98
16	VJC	06/04/2026	163.3	1.241.360	52.37	156.46	4.37
17	VPI	06/04/2026	57.6	1.508.700	49.42	55.9	03.04



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	HNM	8.5	8.4	469.650
2	LPB	46.1	43.9	1.466.240
3	NVL	14.55	14.3	18120770

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CEN	1.6	1.6	138.350
2	CKG	8.6	8.6	32.370
3	CNG	23.25	23	12.270
4	GCF	17	16.8	158.580
5	HVA	4.9	4.8	106.660
6	SCG	61.3	57	23.270
7	SRF	6.82	6.51	43.260
8	VFS	13.2	13.02	2.701.720
9	VMC	4.3	4.3	41.320
10	VPG	04.02	4	185.080
11	VPX	28.1	27.15	1.721.470
12	VIG	5.3	5.3	88.330
13	VTR	12.1	11	88.250
14	VOC	11.6	11.3	27.110
15	TIS	4.5	4.3	12.070
16	TSB	26.8	26	21.310

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	APG	5.25	5.53	886.090
2	BCE	10.45	10.85	24.780
3	CAR	15	16.2	17.010
4	DHA	44.75	45.6	51.760
5	DQC	8.7	9.1	12.500
6	ECO	30.2	30.5	33.740
7	KSB	15.6	15.7	1.161.900
8	LAI	11	11.2	37.060
9	NNC	46.5	48.2	52.970
10	PLC	22	22.3	315.110
11	POS	15.2	15.3	39.700
12	POW	12.4	12.65	11.349.770
13	PVB	28.1	28.5	119.130
14	PXL	13.2	13.4	74.410
15	SBG	11.45	11.5	26.030
16	SCG	61	61.3	23.980
17	SRF	6.65	6.82	51.040
18	STK	13.4	13.8	29.010
19	SWC	24.8	25.3	21.340
20	TCM	22.15	22.2	1.293.940
21	TIG	6.7	6.9	1.690.880
22	TMT	11.4	11.45	55.250
23	VFS	12.8	13.2	2.518.320
24	VNS	8.2	8.25	17.590
25	VOS	12.25	12.35	1.196.290
26	VPX	27.95	28.1	1.504.640



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HPG	26.85	26.85	29.350.370

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HAH	55.8	55.54	916.760
2	SAB	44.4	44.21	555.250

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	GEX	36.4	36.15	7.599.010
2	HID	05.09	5.3	1.163.790



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CRC	9.84	9.88	4.151.120
2	CTD	78.6	79.2	944.310
3	DLG	2.82	2.84	1680640
4	GEG	15.05	15.6	2.931.970
5	HDG	27.6	28.65	3.504.250
6	HUT	15.9	16.49	3.645.680
7	MWG	78.3	79.2	6.745.220
8	POW	12.4	12.63	11.349.770
9	VSC	23.55	23.77	4.177.150

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CII	17.4	17.43	21.563.490
2	DCL	52.8	55.78	537.800
3	DPM	27.6	27.75	6969470
4	GEG	15.5	15.41	2.931.970
5	HUT	15.9	16.18	3.645.680
6	IDC	45.7	46.32	2.515.660
7	PAC	23.8	24.12	1.359.250
8	QTP	12.8	12.93	1.420.790
9	VSC	23.55	23.62	4177150

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.25	23.44	9.948.870
2	ANV	22.8	23.32	786.330
3	CTS	26.75	26.85	818430
4	DCL	52.8	56.51	537.800
5	DCS	1.1	1.13	599.830
7	DIG	13.6	13.67	12183600
8	DPG	40.6	41.13	525760
9	DPR	39.8	40.15	514910
10	DXG	13.85	13.99	21056030
11	HAG	15.5	15.56	5197050
12	HDC	17.9	17.97	3283240
13	HDG	27.6	28.71	3504250
14	HNG	6	06.03	1297190
15	HUT	15.9	16.49	3645680
16	NLG	27.7	27.99	4538100
17	NTL	15.55	15.96	630410
18	ORS	13.5	13.14	3004760
19	SHB	14.5	14.79	70942160
20	TPB	15.85	16	8249050
21	TTA	11.35	11.6	1434920
22	VCI	26.3	26.47	10273280
23	VPB	25.6	25.81	16813230
24	VPI	57.6	57.81	1508700
25	VRE	25.75	25.91	4568200



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	PPT	06/04/2026	15.4	15.1	15.7	3.97	236,380
2	SJD	06/04/2026	14	13.7	14.25	04.01	64,520
3	VTZ	06/04/2026	20	19.7	20.6	4.57	1,200,080
4	SSB	06/04/2026	16.75	16.3	17.5	4.6	1,829,140
5	SBG	06/04/2026	11.45	11.3	11.9	5.31	31,520
6	ODE	06/04/2026	44.8	43.8	46.3	5.71	17,560
7	MCM	06/04/2026	25.3	25	26.45	5.8	33,940
8	BAF	06/04/2026	34.75	33.5	35.5	5.97	1,503,640
9	VSH	06/04/2026	43.3	42	44.6	6.19	11,040
10	TBC	06/04/2026	34.6	34.6	37	6.94	7,820
11	OCB	06/04/2026	10.95	10.6	11.35	07.08	716,500
12	PRE	06/04/2026	22.4	21.3	22.9	7.51	18,360
13	GDT	06/04/2026	19.15	18.75	20.2	7.73	11,120
14	MSB	06/04/2026	11.5	10.9	11.75	7.8	7,619,580
15	ADP	06/04/2026	22.6	22.4	24.2	8.4	5,640
16	VAB	06/04/2026	10.5	9.5	10.3	8.42	370,340
17	PGB	06/04/2026	11.9	11.5	12.5	8.7	5,460
18	SVT	06/04/2026	11.05	10.8	11.8	9.26	7,240
19	TNH	06/04/2026	10.5	9.98	10.95	9.72	75,020



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & TỰ doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009